TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/DS-PT
Ngày 17-8-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Nguyệt

Ông Lộc Sơn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Đặng Quang Minh và bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2026/QĐ-PT ngày 09-7-2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 62/2026/QĐ-PT ngày 24-7-2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị V, sinh năm 1968. Căn cước công dân số 020168006*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 24-6-2021. Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị L, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Anh Dương Hữu H, sinh năm 1987. Căn cước công dân số 020087011*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 24-6-2021. Địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Dương Hữu H: Bà Lương Thị H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Căn cước công dân số 020186003*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 01-5-2021. Địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị T: Bà Dương Thị Quỳnh H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tô Viết T, sinh năm 1966. Căn cước công dân số 020066004*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 09-5-2021. Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Dương Hữu L, sinh năm 1960. Căn cước công dân số 020060003*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 24-6-2021. Địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Dương Thị H, sinh năm 1965. Căn cước công dân số 020065004*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 28-5-2025. Địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Anh Dương Hữu H, là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Giấy vay tiền đề ngày 16-6-2021 (âm lịch) thể hiện: Bên vay là vợ chồng bị đơn anh Dương Hữu H, chị Nguyễn Thị T, bên cho vay là vợ chồng nguyên đơn ông Tô Viết T, bà Dương Thị V; số tiền vay là 177.600.000 đồng; lãi suất vay 2%/tháng; thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 16-6-2021 (âm lịch); mục đích vay để chăn nuôi trại gà. Bên cho vay có bà Dương Thị V ký tên, bên vay có anh Dương Hữu H ký tên và có 02 người làm chứng ký tên là ông Dương Hữu L và bà Dương Thị H.

Theo Bản cam kết đề ngày 16-7-2021 thể hiện: Anh Dương Hữu H cam kết sau 01 tháng, đến ngày 16-8-2021 sẽ trả cho ông Tô Viết T, bà Dương Thị V số tiền 177.600.000 đồng. Bản cam kết có 04 người ký tên là anh Dương Hữu H, chị Nguyễn Thị T, ông Dương Hữu L, bà Dương Thị H.

Nguyên đơn bà Dương Thị V trình bày: Ngày 30-01-2019 (ngày 25-12-2018 âm lịch), vợ chồng ông Dương Hữu L, bà Dương Thị H (bố mẹ đẻ của anh Dương Hữu H) có vay của vợ chồng nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất vay 2%/tháng; thời hạn vay thỏa thuận là khi nào nguyên đơn cần thì báo trước 15 ngày cho vợ chồng ông Dương Hữu L thu xếp trả lại tiền. Nguyên đơn được ông Dương Hữu L cho biết, mục đích vay để cho con trai ông Dương Hữu L kinh doanh trại gà.

Sau khi vay, vợ chồng ông Dương Hữu L có trả tiền lãi, nhưng không đầy đủ. Ngày 16-6-2021, nguyên đơn đến nhà ông Dương Hữu L để cộng sổ đòi nợ. Khi đó, thỏa thuận tổng số tiền còn nợ là 177.600.000 đồng sẽ do vợ chồng bị đơn trả, vì mục đích ông Dương Hữu L vay tiền của nguyên đơn để cho vợ chồng bị đơn kinh doanh và đã cùng nhau lập Giấy vay tiền đề ngày 16-6-2021. Đến ngày 16-7-2021, khi đã hết thời hạn 01 tháng, vợ chồng bị đơn vẫn không trả được tiền nên anh Dương Hữu H tiếp tục lập Bản cam kết đề ngày 16-7-2021. Đến ngày 16-8-2021, tiếp tục hết thời hạn 01 tháng, vợ chồng bị đơn vẫn không thanh toán nợ. Nguyên đơn có đến nhà và gọi điện thoại đòi tiền nhưng bị đơn vẫn khất nợ.

Ngày 18-6-2023, nguyên đơn chốt sổ bắt gà nhà bị đơn để trừ nợ với số tiền là 12.572.000 đồng. Ngày 22-7-2023, bà Dương Thị H trả nợ thay bị đơn số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 16-6-2024, bà Dương Thị H tiếp tục trả thay bị đơn 10.000.000 đồng. Tổng cộng đã trả 32.572.000 đồng trừ vào nợ gốc. Đến nay, bị đơn không trả được thêm khoản nào khác, nguyên đơn xác định số tiền nợ gốc là 145.028.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn anh Dương Hữu H, chị Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 145.028.000 đồng và số tiền lãi là 83.315.000 đồng (lãi theo thỏa thuận 2%/tháng, tính đến ngày 10-10-2025). Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi, chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 145.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn anh Dương Hữu H trình bày: Anh xác nhận bố mẹ của anh có vay 150.000.000 đồng của nguyên đơn. Khi vay hai bên có viết Giấy vay tiền ngày 30-01-2019 như nguyên đơn trình bày. Sau khi vay, bố mẹ của anh đã trả tiền lãi, gốc cho nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Trả số tiền lãi 2%/tháng theo thỏa thuận (tương đương 3.000.000 đồng/tháng): Tháng 1-2019 trả 6.000.000 đồng; tháng 3-2019 trả 3.000.000 đồng; tháng 4-2019 trả 6.000.000 đồng; ngày 26-9-2019 trả 6.000.000 đồng; tháng 10, 11-2019 trả 1.000.000 đồng. Mỗi lần trả đều là trả trực tiếp cho nguyên đơn, không viết giấy trả tiền. Cuối năm 2019, nguyên đơn lấy gà để trừ nợ tương đương 1.000.000 đồng. Ngày 30-12-2019, tiếp tục trả 16.000.000 đồng. Năm 2020 trả 3.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền lãi đã trả là 42.000.000 đồng.

- Trả số tiền nợ gốc: Năm 2020 trả 02 lần, mỗi lần trả 10.000.000 đồng. Năm 2021 trả 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc đã trả là 50.000.000 đồng.

Ngày 16-6-2021 (âm lịch), vợ chồng nguyên đơn đến nhà anh đòi nợ và mang theo mẫu Giấy vay tiền, khi đó bố mẹ anh cũng có mặt ở nhà. Nguyên đơn tự tính tiền nợ là 177.600.000 đồng và yêu cầu vợ chồng anh trả tiền. Do nguyên đơn chửi bới, bắt vợ chồng anh viết Giấy vay tiền nên anh đã lập Giấy vay tiền đề ngày 16-6-2021. Khi đó anh chưa nhận thức được đầy đủ về việc viết Giấy vay tiền đứng tên bên vay là vợ chồng anh không nhận trả nợ thay bố mẹ, mà chỉ đồng ý viết giấy để nguyên đơn không chửi bới làm phiền gia đình.

Đến ngày 16-7-2021 (âm lịch) nguyên đơn tiếp tục đến nhà anh yêu cầu viết Giấy cam kết trả tiền, anh đã viết Giấy cam kết đề ngày 16-7-2021 theo mẫu của nguyên đơn mang đến, mặc dù trong Giấy cam kết ghi số tiền phải trả là 177.600.000 đồng, nhưng anh xác định chỉ còn nợ 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, nên dù viết Giấy cam kết nhưng gia đình anh không đồng ý trả.

Anh xác nhận khoảng năm 2023-2024, có việc mẹ anh trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng và nguyên đơn có đến nhà anh lấy gà để trừ nợ với số tiền do nguyên đơn tự tính là 12.572.000 đồng. Anh xác định số tiền nợ gốc còn nợ nguyên đơn là 67.428.000 đồng. Anh Dương Hữu H xác định rằng khoản nợ xuất phát từ bố mẹ anh, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả tiền là không đúng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị vợ của anh Dương Hữu H. Về khoản vay nợ giữa ông Dương Hữu L và bà Dương Thị H vưới vợ chồng nguyên đơn chị có biết, nhưng vay vào thời điểm nào, số tiền bao nhiêu, quá trình trả nợ gốc và lãi như thế nào thì chị không rõ, vì đây khoản vay của bố mẹ chồng chị. Chị không được ký Giấy vay tiền ngày 16-6-2021. Chị được ký Bản cam kết ngày 16-7-2021, nhưng khi ký chị không đọc nội dung, do chồng chị bảo chị ký tên và để vợ chồng nguyên đơn không làm phiền nữa. Chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng chị không được vay, không được nhận khoản tiền nào của nguyên đơn nên chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Viết T trình bày: Ông là chồng của nguyên đơn, ông nhất trí với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu L và bà Dương Thị H đều trình bày: Ông bà nhất trí với ý kiến trình bày của anh Dương Hữu H. Ông bà xác nhận có vay vợ chồng nguyên đơn số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Sau khi vay, vợ chồng ông có thực hiện trả tiền lãi hàng tháng và trả được 50.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ông bà xác định số tiền nợ gốc chỉ còn là 100.000.000 đồng. Sau đó, do ông bà không trả được thêm tiền gốc và lãi đúng hẹn nên nguyên đơn đến nhà ông bà đòi tiền nhiều lần. Nguyên đơn yêu cầu anh Dương Hữu H và chị Dương Thị Trang phải trả nợ thay và chửi bới, ép buộc lập Giấy vay tiền ngày 16-6-2021 và Bản cam kết ngày 16-7-2021 theo như bị đơn đã trình bày. Ông bà cũng được ký các giấy này nhưng khi ký không được đọc nội dung. Năm 2023, bà Dương Thị H đã trả cho nguyên đơn hai lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, khi trả tiền có viết giấy trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 23-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị V. Buộc bị đơn anh Dương Hữu H và chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Dương Thị V số tiền gốc là 145.000.000 đồng.

2. Về lãi suất chậm trả: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức

lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn anh Dương Hữu H có kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có kháng nghị đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng huỷ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Dương Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Viết T và bị đơn anh Dương Hữu H đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Anh Dương Hữu H và chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Dương Thị V số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Bà Dương Thị Quỳnh H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị T nhất trí với ý kiến thoả thuận của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Bà Lương Thị H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Dương Hữu H và bà Lương Thị L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều đề nghị Hội đồng xử xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của đương sự.

Viện kiểm sát thay đổi nội dung kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do các đương sự đã thoả thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nên Viện kiểm sát thay đổi nội dung kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về án phí sơ thẩm, các đương sự đều thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn, nên đề nghị miễn án phí sơ thẩm cho các đương sự. Về án phí phúc thẩm, người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn, nên đề nghị miễn án phí phúc thẩm cho anh Dương Hữu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai, có đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ theo Giấy vay tiền đề ngày 16-6-2021, Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Đòi tài sản (tiền)". Thấy rằng, tiền là một loại tài sản được quy định tại Điều 105 Bộ luật Dân sự, việc nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả lại tiền phát sinh từ nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Giấy vay tiền ngày 16-6-2021, đây là hình thức thể hiện của hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Trong thời hạn luật định, bị đơn anh Dương Hữu H kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án sơ thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Viết T và bị đơn anh Dương Hữu H đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Anh Dương Hữu H và chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Dương Thị V số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị T nhất trí với ý kiến thoả thuận của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[3] Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự khác. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự bà Dương Thị V, anh Dương Hữu H và chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà Dương Thị V, anh Dương Hữu H và chị Nguyễn Thị T đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có yêu cầu được miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Dương Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo anh Dương Hữu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, anh Dương Hữu H thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn nên miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho anh Dương Hữu H.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 148, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Điều 117, 119, 274, 275; 280, 288, 357, 370, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn bà Dương Thị V, bị đơn anh Dương Hữu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Viết T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, cụ thể:

1. Bị đơn anh Dương Hữu H và chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Dương Thị V số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị V, anh Dương Hữu H và chị Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm. Trả lại cho bà Dương Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.708.575 đồng (năm triệu bảy trăm linh tám nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai số 0000501 ngày 14-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí phúc thẩm: Anh Dương Hữu H được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 34, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Toà phúc thẩm, TANDTC tại HN;
- Viện phúc thẩm, VKSNDTC tại HN;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS, Tòa DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Đức Chính